TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/ 2024/ HNGĐ - ST
Ngày: 22 /3/ 2024.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và ông Phạm Văn Sỹ.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trịnh Việt Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm 6, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Lê Công Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm 6, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Trịnh Thị T, còn vắng mặt anh Lê Công Đ (anh Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trịnh Thị T trình bày: Chị và anh Lê Công Đ được tự do tìm hiểu và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình vào ngày 01/8/2007, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc gì. Sau đó được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương, sau khi cưới vợ chồng về chung sống tại gia đình anh Đ ở xã K, vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm, thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là năm 2013 anh Đ có hành vi không chung thủy, do đó dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, nhưng quan điểm của chị T vẫn mong muốn gìn giữ gia đình và tha thứ cho anh Đ, cho đến năm 2019 anh Đ vẫn không thay đổi mà càng có thái độ khiến cho cho mâu thuẫn vợ chồng

càng căng thẳng hơn, anh Đ thường xuyên vắng nhà và không quan tâm đến gia đình, chị phát hiện anh Đ có mối quan hệ với người phụ nữ khác trong thời gian dài nhưng anh Đ không thay đổi mà vẫn chung sống với người phụ nữ này, anh Đ không còn quan tâm gì đến vợ con nữa, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Đ không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được. Do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Công Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống cho đến nay chị và anh Đ có một con chung là cháu Lê Bảo H, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2010, hiện cháu đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân. Hiện tại chị đang có cửa hàng buôn bán tạp hóa tại gia đình nên có thu nhập ổn định, do đó có đủ điều kiện về kinh tế và thời gian chăm sóc con. Do vậy chị yêu cầu Tòa án giao cháu H cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Về con riêng, chị và anh Đ không ai có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị T xác định chị và anh Đ không có tài sản và công nợ, do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Công Đ, hiện tại anh đang có hộ khẩu và cư trú tại xóm 6, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông qua xóm trưởng tống đạt trực tiếp về Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê Công Đ, anh Đ ký nhận văn bản. Đã hết thời hạn theo Thông báo nhưng anh Đ không có văn bản trả lời về yêu cầu khởi kiện của chị T đối với anh. Qua xác minh thì được biết anh Đ đi làm ăn thi thoảng mới về, hiện tại anh Đ không có mặt ở nhà. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đ, Tòa án đã tiến hành niên yết hợp pháp các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị T xử cho ly hôn đối với anh Lê Công Đ. Về con: Giao cháu Lê Bảo H, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2010 cho chị Trịnh Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T là phù hợp với điều kiện của chị, cũng như nguyện vọng của cháu H và quy định của pháp luật. Về tài sản chị T xác định không có và không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị T là nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Trịnh Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Công Đ, có địa chỉ tại xóm 6, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vào ngày 27/02/2024 có mặt chị Trịnh Thị T còn anh Lê Công Đ vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Trịnh Thị T có mặt còn anh Lê Công Đ vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trịnh Thị T và anh Lê Công Đ đã có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y vào ngày 01 tháng 8 năm 2007, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm, sau đó mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, chị T và anh Đ thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng không còn tôn trọng nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị T phát hiện anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác và không còn quan tâm đến gia đình vợ con, bản thân chị T đã cố gắng khuyên nhủ với mong muốn anh Đ thay đổi và có trách nhiệm với gia đình, để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con chung. Tuy nhiên trong quãng thời gian dài anh Đ không thay đổi mà vẫn sống theo quan điểm của mình. Do đó chị T và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân từ năm 2019 đến nay, giữa chị T và anh Đ không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Công Đ.

Căn cứ vào các tài liệu chị T xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, chị T và anh Đ trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, do đó chị T đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay, trong thời gian này chị T và anh Đ không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Mặc khác anh Đ đã trực tiếp nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nên biết rõ về nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh, song anh Đ bỏ mặc, không còn quan tâm đến đời sống chung của vợ chồng, không có ý kiến và cũng không giao nộp bất cứ tài liệu gì trong quá trình giải quyết vụ án. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở

để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[3] **Về con chung**: Chị T và anh Đ cho đến nay có 01 con chung là cháu Lê Bảo H, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2010, hiện cháu đang do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay chị T yêu cầu giao cháu H cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Hiện tại chị đang có cửa hàng buôn bán tạp hóa tại gia đình nên có thu nhập ổn định. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu H mong muốn được ở cùng với chị T, mặt khác chị T có đủ điều kiện về kinh tế, thời gian chăm sóc con. Chính vì vậy cần giao cháu H cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu H cho chị T là phù hợp.

[4] **Về tài sản**: Chị T xác định không có tài sản và công nợ nên chị không có yêu cầu giải quyết về tài sản, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị T là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đối với anh Lê Công Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trịnh Thị T ly hôn anh Lê Công Đ.

- Về con chung: Giao cháu Lê Bảo H, sinh ngày 15 tháng 10 năm 2010 cho chị Trịnh Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Lê Công Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Trịnh Thị T và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Trịnh Thị T xác định không có tài sản và công nợ nên chị không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/ 0005727 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dấn sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Binh.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y .
- UBND xã Khánh T.
- Các đương sư.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung